



BỘ TÀI CHÍNH

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH



**HOSE**

# QUY TẮC XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ BỘ CHỈ SỐ HOSE-INDEX

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 206/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 05 năm 2016  
của Tổng Giám đốc Sở GDCK TP.HCM)*

Phiên bản 2.0

TP. Hồ Chí Minh

Tháng 07-2016

## MỤC LỤC

1. GIỚI THIỆU CHUNG.....	4
2. QUẢN LÝ CHỈ SỐ .....	5
3. PHƯƠNG PHÁP SÀNG LỌC BỘ CHỈ SỐ.....	7
4. XÁC LẬP RÕ CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU VÀ XEM XÉT ĐỊNH KỲ CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN....	10
5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CHỈ SỐ GIÁ.....	12
6. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CHỈ SỐ TỔNG THU NHẬP .....	14
7. GIỚI HẠN TỶ TRỌNG VỐN HÓA CỦA CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN.....	15
8. CÁC ĐIỀU CHỈNH ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CỦA CHỈ SỐ.....	17
9. ĐIỀU CHỈNH HỆ SỐ CHIA.....	20
10. CHUẨN PHÂN NGÀNH GLOBAL INDUSTRY CLASSIFICATION STANDARD (GICS®)....	22
11. CHÍNH SÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN .....	23
12. THÔNG TIN LIÊN HỆ .....	24
13. PHỤ LỤC.....	25

## TÓM TẮT ĐẶC ĐIỂM BỘ CHỈ SỐ HOSE-Index

Tên chỉ số	VN30	VNMidcap	VNSmallcap	VN100	VNAllshare	VNAllshare Sector Indices
Loại chỉ số	Chỉ số giá / Chỉ số tổng thu nhập					Chỉ số giá
Đặc điểm chung	Gồm những công ty niêm yết trên HOSE, đáp ứng tư cách tham gia vào Bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc.					
Quản lý duy trì chỉ số	- Hội đồng chỉ số đóng vai trò là cơ quan giám sát chỉ số. - HOSE thực hiện việc xây dựng các quy tắc chỉ số và quản lý chỉ số hàng ngày.					
Phương pháp tính	Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh tỷ lệ free-float.					
Số lượng cổ phiếu thành phần	30	70	Không cố định	100	Không cố định	Không cố định
Tiêu chí chọn lọc	Giá trị vốn hóa, tỷ lệ free-float, thanh khoản.					
Tiêu chí phân ngành						Chuẩn phân ngành GICS®
Thanh khoản	Tỷ suất quay vòng chứng khoán $\geq 0,05\%$					
Tỷ lệ free-float (f)	$f > 10\%$ , trừ trường hợp được mô tả trong phần 3.3.3					
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa	10%					Không giới hạn
Xem xét định kỳ	- 6 tháng/lần (tháng 7 và tháng 1 hàng năm). - Các thay đổi có hiệu lực áp dụng vào <b>thứ 2 lần thứ tư của tháng 7 và tháng 1</b> .					
Tần suất tính toán	Chỉ số giá: Theo thời gian thực (01 phút/ lần) Chỉ số tổng thu nhập: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)					
Ngày cơ sở	Chỉ số giá	02/01/2009	24/01/2014			25/01/2016
	Chỉ số tổng thu nhập	24/07/2015				N/A
Giá trị chỉ số cơ sở	Chỉ số giá	313.34	560.19			533.49
	Chỉ số tổng thu nhập	657.97	689.67	659.75	604.21	607.18

## **1. GIỚI THIỆU CHUNG**

- 1.1. Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index (sau đây gọi tắt là “Quy tắc chỉ số”) nêu ra các quy tắc để làm cơ sở cho việc xây dựng và quản lý các chỉ số thuộc Bộ chỉ số HOSE-Index của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE). Quy tắc này được ban hành kèm theo quyết định số ..... ngày.....tháng.....năm..... của Tổng Giám đốc Sở GDCK TP.HCM
- 1.2. Các chỉ số thuộc Bộ chỉ số HOSE-index được tính toán theo hai phương pháp là chỉ số giá và chỉ số tổng thu nhập. Các chỉ số giá thể hiện biến động giá cổ phiếu của các công ty niêm yết trên HOSE đáp ứng tư cách tham gia vào Bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc, nhằm cung cấp cho nhà đầu tư thông tin đầy đủ và toàn diện về thị trường. Các chỉ số Tổng thu nhập thể hiện biến động giá và giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần được tái đầu tư vào chỉ số.
- 1.3. Bộ chỉ số HOSE-index bao gồm :
  - 1.3.1. Chỉ số VNAllShare  
Là chỉ số bao gồm tất cả các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng tư cách tham gia vào Bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc quy định tại mục 3 Quy tắc này.
  - 1.3.2. Chỉ số VN30  
Là chỉ số được xây dựng từ rổ cổ phiếu thành phần của VNAllshare, gồm 30 công ty có giá trị vốn hoá và thanh khoản hàng đầu đáp ứng các điều kiện được nêu tại mục 4.3.1.
  - 1.3.3. Chỉ số VNMidcap  
Là chỉ số được xây dựng từ rổ cổ phiếu thành phần của VNAllshare, gồm 70 công ty có giá trị vốn hóa sau VN30 đáp ứng các điều kiện được nêu tại mục 4.3.2.
  - 1.3.4. Chỉ số VN100  
Chỉ số bao gồm cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.
  - 1.3.5. Chỉ số VNSmallcap  
Chỉ số bao gồm các cổ phiếu thành phần của VNAllshare và không thuộc chỉ số VN100.
  - 1.3.6. Các chỉ số ngành VNAllshare Sector Indices  
Các chỉ số ngành bao gồm cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare được phân thành các ngành theo định nghĩa của chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®)  
\* Chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®) được phát triển và là tài sản độc quyền của MSCI Inc. và Standard & Poor's. GICS® là thương hiệu của MSCI và S&P và cấp quyền cho HOSE sử dụng.

## 2. QUẢN LÝ CHỈ SỐ

### 2.1. Hội đồng chỉ số

Hội đồng chỉ số là một nhóm các chuyên gia độc lập do HOSE quyết định thành lập, có trách nhiệm thông qua việc xem xét định kỳ và bất thường đối với các chỉ số do HOSE thực hiện; giám sát việc quản lý, vận hành và duy trì Bộ chỉ số tuân theo Quy tắc chỉ số do HOSE ban hành.

Thành phần của Hội đồng chỉ số, phạm vi trách nhiệm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động, giải quyết mâu thuẫn lợi ích và bảo mật sẽ được quy định cụ thể tại "Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng chỉ số".

### 2.2. Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE)

HOSE là cơ quan xây dựng Quy tắc chỉ số và thực hiện việc quản lý chỉ số hàng ngày.

### 2.3. Các trường hợp không bao hàm trong Quy tắc chỉ số

Trong trường hợp phát sinh các sự kiện chưa được đề cập trong Quy tắc chỉ số, HOSE, theo quan điểm của mình, có thể sử dụng các biện pháp điều chỉnh phù hợp nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất cho nhà đầu tư và thị trường.

HOSE sẽ thông báo đến Hội đồng chỉ số nếu HOSE quyết định bất kỳ một trường hợp nào chưa được đề cập cụ thể trong Quy tắc chỉ số để tham vấn ý kiến của Hội đồng chỉ số.

Nếu một trường hợp ngoại lệ nào đó được chấp nhận thì điều này không tạo ra tiền lệ cho các quyết định sau này của HOSE.

### 2.4. Sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ Quy tắc chỉ số

Quy tắc chỉ số có thể được bổ sung, sửa đổi hoặc hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần tại bất kỳ thời điểm nào. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ các quy tắc có thể dẫn đến những thay đổi trong việc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ số.

HOSE chuyển đến Hội đồng chỉ số các phương án liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ Quy tắc chỉ số trong phạm vi trách nhiệm của Hội đồng để tham vấn ý kiến.

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ Quy tắc chỉ số được thực hiện khi có 2/3 thành viên Hội đồng chỉ số thông qua.

### 2.5. Trách nhiệm pháp lý

Căn cứ vào mục đích của Quy tắc chỉ số và khả năng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ Quy tắc chỉ số theo từng thời điểm, HOSE và Hội đồng chỉ số (hay bất kỳ cá nhân nào liên quan đến công tác chuẩn bị hay công bố Quy tắc chỉ số) không chịu trách nhiệm pháp lý về bất kỳ những thua lỗ, mất mát, khiếu kiện, tổn thất hay chi phí phát sinh của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào do :

- (i) Tin tưởng vào Quy tắc chỉ số hoặc dữ liệu của các cổ phiếu thành phần trong rô chỉ số ; và/hoặc,
- (ii) Những sai sót hoặc không chính xác trong Quy tắc chỉ số; và/hoặc,

- (iii) Việc không áp dụng hoặc áp dụng sai những chính sách và quy trình được mô tả trong Quy tắc chỉ số ; và/hoặc,
- (iv) Những sai sót hoặc không chính xác trong việc biên soạn, tính toán chỉ số hoặc dữ liệu của các cổ phiếu thành phần trong rổ chỉ số.

HOSE sẽ tiến hành mọi biện pháp trong khả năng quyền hạn của mình để đảm bảo tính chính xác của Quy tắc chỉ số và các dữ liệu thành phần của chỉ số cũng như việc tính toán, công bố và điều chỉnh các chỉ số theo quy tắc phù hợp.

#### 2.6. Quyền sở hữu trí tuệ

Quyền sở hữu trí tuệ đối với Quy tắc chỉ số và các chỉ số trong Bộ chỉ số HOSE-Index bao gồm tên, thành phần và việc tính toán chỉ số thuộc về HOSE. Việc sao chép hay in ấn một phần hay toàn bộ Quy tắc chỉ số mà không được phép của HOSE theo quy định của pháp luật đều bị coi là vi phạm bản quyền và bị ngăn cấm.

#### 2.7. Chính sách sửa lỗi

Với mục tiêu duy trì Bộ chỉ số có tiêu chuẩn cao nhất về độ chính xác, toàn vẹn, tin cậy về nguồn dữ liệu và tuân theo thông lệ tốt nhất trong quy trình thống kê và vận hành, các sai sót về dữ liệu trong quá trình tính toán sẽ được điều chỉnh và người sử dụng chỉ số sẽ được thông báo kịp thời. Tuy nhiên, các sai sót nhỏ phát sinh không ảnh hưởng lớn đến tính chính xác của chỉ số sẽ được điều chỉnh mà không thông báo.

#### 2.8. Tính toán lại chỉ số

Chỉ số sẽ được tính toán lại khi có sai lệch đáng kể. Người sử dụng chỉ số sẽ được thông báo trong thời gian sớm nhất.

### 3. PHƯƠNG PHÁP SÀNG LỌC BỘ CHỈ SỐ

#### 3.1. Các định nghĩa áp dụng.

- **Giá trị vốn hóa (GTVH)** : là bình quân của giá trị vốn hóa hàng ngày trong 12 tháng gần nhất tính tới ngày chốt dữ liệu xem xét.  
Đối với cổ phiếu có thời gian niêm yết dưới 12 tháng, GTVH được tính là bình quân của giá trị vốn hóa hàng ngày từ thời điểm niêm yết tới ngày chốt dữ liệu xem xét.
- **Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float (GTVH<sub>f</sub>)** : là giá trị vốn hóa \* tỷ lệ free-float
- **Giá trị giao dịch (GTGD)** : là bình quân của trung vị giá trị giao dịch hàng ngày trong tháng của 12 tháng gần nhất tính tới ngày chốt dữ liệu xem xét. Giá trị giao dịch hàng ngày bao gồm giao dịch khớp lệnh và giao dịch thỏa thuận. (*tham khảo cách tính trung vị tại mục 13.1- phụ lục 1*)  
Đối với cổ phiếu có thời gian niêm yết dưới 12 tháng, GTGD được tính là bình quân của trung vị giá trị giao dịch hàng ngày trong tháng từ thời điểm niêm yết tới ngày chốt dữ liệu xem xét.
- **Ngày chốt dữ liệu xem xét** : là ngày giao dịch cuối cùng của tháng 6 hoặc tháng 12 theo từng kỳ đổi rổ.

#### 3.2. Tư cách tham gia vào chỉ số

Cổ phiếu đủ tư cách tham gia vào Bộ chỉ số khi KHÔNG thuộc một trong các diện sau đây :

- Cổ phiếu thuộc diện bị **cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch** (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập) trong vòng **03 tháng** tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE **dưới 6 tháng** tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét. Đối với cổ phiếu mới niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường thuộc **Top-5** tính tại ngày chốt dữ liệu xem xét thì thời gian niêm yết **dưới 03 tháng**.

#### 3.3. Tỷ lệ free-float (f)

##### 3.3.1. Công thức tỷ lệ free-float

Tỷ lệ free-float là tỷ lệ khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng so với khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường.

Tỷ lệ free-float (f) được tính theo công thức sau :

$$f = \frac{\text{Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành} - \text{Khối lượng cổ phiếu không tự do chuyển nhượng}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

##### 3.3.2. Cổ phiếu không tự do chuyển nhượng bao gồm các trường hợp sau :

- Cổ phiếu của các đối tượng còn trong thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật như: (1) cổ đông sáng lập, (2) phát hành riêng lẻ dưới 100 nhà đầu tư, (3) phát hành cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ công nhân viên, (4) cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của doanh nghiệp FDI khi chuyển sang công ty cổ phần, và, (5) các trường hợp hạn chế chuyển nhượng khác theo quy định;
- Cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông nội bộ và người có liên quan;
- Cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông chiến lược;
- Cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông nhà nước;
- Cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông lớn, ngoại trừ công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm (trừ khi việc đầu tư nhằm mục đích chiến lược), Quỹ tương hỗ, Quỹ đầu tư, các doanh nghiệp đầu tư mang tính chất tự doanh, ETFs. Sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn vẫn bị hạn chế chuyển nhượng cho đến khi tỷ lệ nắm giữ giảm dưới 4% ; và,
- Sở hữu chéo trực tiếp giữa các công ty sau bước 3.2.

### 3.3.3. Điều kiện sàng lọc về tỷ lệ free-float

- $f$  (chưa làm tròn)  $> 10\%$  : đáp ứng điều kiện tham gia vào Bộ chỉ số
- $f$  (chưa làm tròn)  $\leq 10\%$  : loại khỏi Bộ chỉ số, ngoại trừ cổ phiếu có GTVH\_f lớn hơn trung vị của top 90% GTVH\_f của rổ cổ phiếu sau bước 3.2. (Tham khảo cách xác định trung vị tại mục 13.2 - phụ lục 1).

### 3.3.4. Làm tròn tỷ lệ free-float khi tính toán chỉ số

Tỷ lệ free-float sẽ được làm tròn theo nguyên tắc sau:

Tỷ lệ free-float	$\leq 5\%$	$\leq 10\%$	$\leq 15\%$	$\leq 20\%$	$\leq 25\%$	$\leq 30\%$	$\leq 35\%$	$\leq 40\%$	$\leq 45\%$	$\leq 50\%$
Làm tròn	5%	10%	15%	20%	25%	30%	35%	40%	45%	50%

Tỷ lệ free-float	$\leq 55\%$	$\leq 60\%$	$\leq 65\%$	$\leq 70\%$	$\leq 75\%$	$\leq 80\%$	$\leq 85\%$	$\leq 90\%$	$\leq 95\%$	$\leq 100\%$
Làm tròn	55%	60%	65%	70%	75%	80%	85%	90%	95%	100%

### 3.3.5. Xem xét tỷ lệ free-float

- Điều chỉnh định kỳ: Tỷ lệ free-float của các cổ phiếu thành phần trong rổ chỉ số sẽ được xem xét điều chỉnh toàn bộ theo định kỳ 06 tháng/ lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Điều chỉnh trong kỳ: Tỷ lệ free-float của cổ phiếu thành phần cũng có thể được cập nhật ngay trong kỳ khi cổ phiếu có sự kiện doanh nghiệp hoặc các thông tin khác dẫn đến tỷ lệ free-float thay đổi từ 5% trở lên.
- Khi điều chỉnh tỷ lệ free-float, hệ số chia cũng sẽ được điều chỉnh để đảm bảo tính liên tục của chỉ số (Tham khảo mục 9 - Quy tắc điều chỉnh hệ số chia)



### 3.4. Thanh khoản

- Cổ phiếu sau bước 3.3 sẽ được sàng lọc thanh khoản bằng cách tính toán Tỷ suất quay vòng chứng khoán

$$\text{Tỷ suất quay vòng} = \frac{\text{Giá trị giao dịch}}{\text{Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float}}$$

- Cổ phiếu không thuộc thành phần của chỉ số kỳ trước có Tỷ suất quay vòng nhỏ hơn 0,05% sẽ bị loại khỏi Bộ chỉ số.
- Cổ phiếu thuộc thành phần của chỉ số kỳ trước có Tỷ suất quay vòng nhỏ hơn 0,04% sẽ bị loại.

#### 4. XÁC LẬP RỔ CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU VÀ XEM XÉT ĐỊNH KỲ CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN

4.1. Việc xác lập rổ cổ phiếu lần đầu tiên được thực hiện tương tự như các bước xem xét định kỳ dưới đây nhưng không xét đến thao tác ưu tiên cổ phiếu thuộc thành phần của rổ chỉ số kỳ trước.

4.2. Thời gian xem xét

Cổ phiếu thành phần của các chỉ số sẽ được xem xét bán niên vào tháng một và tháng bảy hàng năm.

4.3. Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số tại kỳ xem xét

Tập hợp các cổ phiếu đáp ứng các điều kiện nêu tại mục 3.2, 3.3 và 3.4 là thành phần của chỉ số VNAllshare. Các cổ phiếu này sẽ lần lượt được lựa chọn vào các rổ chỉ số VN30, VNMidcap, VNSmallcap và VN100 như sau:

4.3.1. Xác định rổ VN30

a. Các cổ phiếu thuộc tập hợp 90% GTGD tích lũy của rổ VNAllshare (tham khảo cách xác định 90% giá trị tích lũy tại mục 13.2.a- Phụ lục) sẽ được sắp xếp theo thứ tự giảm dần về GTVH và được chọn vào rổ VN30 theo thứ tự ưu tiên như sau:

+ Cổ phiếu đứng ở vị trí thứ 20 trở lên: luôn được chọn vào rổ VN30;

+ Cổ phiếu đứng ở vị trí 21 đến 40: ưu tiên cổ phiếu đã có trong danh mục cổ phiếu thành phần của rổ VN30 kỳ trước, sau đó mới xét đến cổ phiếu mới sao cho số lượng cổ phiếu trong rổ bằng 30 cổ phiếu. Trong trường hợp có nhiều hơn 1 cổ phiếu thuộc rổ kỳ trước có cùng vị trí, ưu tiên chọn cổ phiếu có GTGD cao hơn.

+ Cổ phiếu thuộc diện cảnh báo không được chọn vào rổ VN30.

b. Danh mục cổ phiếu dự phòng

+ 05 cổ phiếu có GTVH lớn nhất sau khi đã xác định rổ VN30 tại bước 4.3.1.a sẽ được chọn vào danh mục cổ phiếu dự phòng, sử dụng để thay thế trong trường hợp một hay nhiều cổ phiếu thành phần của VN30 bị loại bỏ khỏi rổ chỉ số trong kỳ. (Tham khảo mục 7 - Các điều chỉnh trong kỳ đối với cổ phiếu thành phần của chỉ số)

+ Cổ phiếu sẽ bị loại khỏi danh mục dự phòng rổ VN30 nếu trong kỳ rơi vào diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch.

4.3.2. Xác định rổ VNMidcap

a. Các cổ phiếu còn lại của VNAllshare không bao gồm 30 cổ phiếu thành phần của rổ VN30 được xếp theo thứ tự giảm dần về GTVH và được chọn vào rổ VNMidcap theo thứ tự ưu tiên như sau :

+ Cổ phiếu đứng ở vị trí thứ 40 trở lên : luôn được chọn vào rổ VNMidcap;

- + Cổ phiếu đứng ở vị trí 41 đến 80: ưu tiên cổ phiếu đã có trong danh mục cổ phiếu thành phần của rổ VNMidcap kỳ trước, sau đó mới xét đến cổ phiếu mới sao cho số lượng cổ phiếu trong rổ bằng 70 cổ phiếu. Trong trường hợp có nhiều hơn 1 cổ phiếu thuộc rổ kỳ trước có cùng vị trí, ưu tiên chọn cổ phiếu có GTGD cao hơn.

b. Danh mục cổ phiếu dự phòng

- + 10 cổ phiếu có GTVH lớn nhất sau khi đã xác định rổ VNMidcap tại bước 4.3.2.a được chọn vào danh mục cổ phiếu dự phòng, sử dụng để thay thế trong trường hợp có một hay nhiều cổ phiếu thành phần của VNMidcap bị loại bỏ khỏi rổ chỉ số trong kỳ. (Tham khảo mục 7 - Các điều chỉnh đối với cổ phiếu thành phần của chỉ số)
- + Cổ phiếu sẽ bị loại khỏi danh mục dự phòng rổ VNMidcap nếu rơi vào diện cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch.

4.3.3. Chỉ số VN100

- + Gồm 100 cổ phiếu là các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap

4.3.4. Chỉ số VNSmallcap

- + Gồm các cổ phiếu còn lại của VNAllshare sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

4.3.5. Các chỉ số ngành

- + Gồm các cổ phiếu là cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllshare có cùng nhóm ngành được phân theo chuẩn phân ngành GICS®

4.4. Cổ phiếu thành phần của các chỉ số VN30, VNMidcap, VNSmallcap không đồng thời trùng nhau.

4.5. Số lượng cổ phiếu thành phần

- Chỉ số VN30, VNMidcap, VN100 : cố định
- Chỉ số VNSmallcap, VNAllshare : không cố định
- Các chỉ số ngành : không cố định

## 5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CHỈ SỐ GIÁ

- 5.1. Bộ chỉ số HOSE-index được tính toán dựa trên phương pháp giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float
- 5.2. Công thức tính chỉ số

$$\text{Chỉ số} = \frac{\text{CMV}}{\text{Hệ số chia}}$$

Trong đó:

\* CMV (Giá trị vốn hóa thị trường hiện tại) :

$$\text{CMV} = \sum_{i=1}^n (p_i * s_i * f_i * c_i)$$

- $i = 1, 2, 3 \dots n$
- $n$ : số cổ phiếu trong rổ chỉ số.
- $p_i$ : giá của cổ phiếu  $i$  trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán.
- $s_i$ : khối lượng đang lưu hành của cổ phiếu  $i$  trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán.
- $f_i$ : tỷ lệ free-float của cổ phiếu  $i$  trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán.
- $c_i$ : hệ số giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu  $i$  trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán. (Tham khảo mục 6 – Giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu thành phần)

\* **Hệ số chia:** Trong trường hợp tăng /giảm CMV do những nguyên nhân khác với biến động giá trên thị trường, Hệ số chia sẽ được điều chỉnh nhằm đảm bảo tính liên tục của chỉ số.

### 5.3. Giá để tính toán chỉ số

5.3.1. Đối với chỉ số trong ngày, giá để tính toán chỉ số là giá khớp lệnh gần nhất của các cổ phiếu trong rổ tính đến thời điểm chỉ số được tính. Trường hợp không có giá khớp lệnh thì sẽ lấy giá đóng cửa gần nhất của cổ phiếu đó hoặc giá đóng cửa điều chỉnh đối với cổ phiếu có xảy ra sự kiện doanh nghiệp (không bao gồm sự kiện chia cổ tức bằng tiền mặt thông thường)

5.3.2. Đối với chỉ số cuối ngày, giá để tính toán chỉ số là giá đóng cửa trong ngày của các cổ phiếu trong rổ hoặc giá đóng cửa điều chỉnh đối với cổ phiếu có xảy ra sự kiện doanh nghiệp (không bao gồm sự kiện chia cổ tức bằng tiền mặt thông thường).

### 5.4. Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành

5.4.1. Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành là khối lượng cổ phiếu do nhà đầu tư nắm giữ bao gồm cổ phiếu không tự do chuyển nhượng và cổ

phiếu tự do chuyển nhượng. Cổ phiếu do công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) không được xem là cổ phiếu đang lưu hành.

5.4.2. Thay đổi khối lượng cổ phiếu đang lưu hành do phát sinh từ sự kiện doanh nghiệp của các cổ phiếu thành phần sẽ được cập nhật và áp dụng đồng thời với sự kiện doanh nghiệp trừ trường hợp nêu tại mục 5.4.3

5.4.3. Nhằm tránh điều chỉnh Hệ số chia nhiều lần đối với những thay đổi không quan trọng, các trường hợp thay đổi khối lượng cổ phiếu đang lưu hành do thay đổi cổ phiếu quỹ hoặc do điều chỉnh khi khối lượng niêm yết bổ sung khác với khối lượng phát hành chỉ được cập nhật khi thay đổi từ 5% (hoặc tích lũy từ 5%) trở lên so với khối lượng đang tính toán trong chỉ số của cổ phiếu đó.

5.4.4. Những thay đổi dưới 5% tại mục 5.4.3 sẽ được cập nhật cùng với thời điểm xem xét định kỳ rõ chỉ số.

5.4.5. Khi điều chỉnh khối lượng cổ phiếu đang lưu hành, Hệ số chia cũng sẽ được điều chỉnh để đảm bảo tính liên tục của chỉ số (*Tham khảo mục 8- Điều chỉnh hệ số chia*)

#### 5.5. Tần suất tính toán chỉ số

Các chỉ số giá thuộc Bộ chỉ số HOSE-Index được tính toán theo thời gian thực và công bố 1 phút/lần vào tất cả các ngày giao dịch

## 6. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CHỈ SỐ TỔNG THU NHẬP

### 6.1. Công thức tính chỉ số

$$TRI_t = TRI_{t-1} * (1 + PriceReturn_t + DividendYield_t)$$

Trong đó:

- \*  $TRI_t$  = chỉ số tổng thu nhập tại ngày t
- \*  $TRI_{t-1}$  = chỉ số tổng thu nhập tại ngày t-1
- \* PriceReturn: tăng trưởng chỉ số giá tại ngày t so với ngày t-1

$$* PriceReturn_t = \frac{IA_t - IA_{t-1}}{IA_{t-1}}$$

- $IA_t$  = chỉ số A tại ngày t
- $IA_{t-1}$  = chỉ số A tại ngày t-1

$$* DividendYield_t = \frac{IndexDividend_t}{IA_{t-1}} : \text{Lợi suất cổ tức}$$

- IndexDividend<sub>t</sub> được tính trên tổng cổ tức bằng tiền của các cổ phiếu có mặt trong rổ chỉ số giá A tại ngày t

$$IndexDividend_t = \frac{\sum_{i=1}^n DPS_i * s_i * f_i * c_i}{\text{Hệ số chia}_t} * 100$$

Trong đó:

- $DPS_i$  = cổ tức bằng tiền mặt trên một cổ phiếu của cổ phiếu i thuộc chỉ số vào ngày t
- $s_i$  = khối lượng lưu hành tính chỉ số của cổ phiếu i tại ngày t-1
- $f_i$  = tỷ lệ free float của cổ phiếu i tại ngày t
- $c_i$  = tỷ trọng của cổ phiếu i tại ngày t
- Hệ số chia<sub>t</sub> = Hệ số chia mới sau khi điều chỉnh sự kiện doanh nghiệp (nếu có) hay Hệ số chia của chỉ số giá A vào ngày t

- 6.2. Chỉ số tổng thu nhập được tính toán căn cứ trên chỉ số gốc là các chỉ số giá trong Bộ chỉ số HOSE-Index
- 6.3. Việc tính toán chỉ số tổng thu nhập được thực hiện đối với các trường hợp chia cổ tức bằng tiền mặt thông thường có giá trị cổ tức < 10% giá đóng cửa của ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền.
- 6.4. Việc tính toán chỉ số tổng thu nhập được thực hiện với giả thiết cổ tức bằng tiền mặt đã sẵn sàng vào ngày giao dịch không hưởng quyền và được tái đầu tư lại rổ chỉ số vào đầu ngày giao dịch không hưởng quyền.
- 6.5. Cổ tức tái đầu tư vào chỉ số là cổ tức gộp (chưa trừ thuế)
- 6.6. Các trường hợp điều chỉnh do có sự kiện doanh nghiệp đối với chỉ số tổng thu nhập sẽ được điều chỉnh và phản ánh trong chỉ số giá tương ứng.
- 6.7. Chỉ số tổng thu nhập sẽ được tính toán một lần và công bố vào thời điểm cuối ngày giao dịch khi thị trường đóng cửa.

## 7. GIỚI HẠN TỶ TRỌNG VỐN HÓA CỦA CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN

- 7.1. Để tránh tình trạng một hay một vài cổ phiếu trong chỉ số chiếm tỷ trọng vốn hóa quá lớn, tỷ trọng vốn hóa của các cổ phiếu thành phần trong rổ chỉ số sẽ được giới hạn ở một ngưỡng xác định.
- 7.2. Ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa áp dụng cho các cổ phiếu thành phần thuộc Bộ chỉ số HOSE Index là 10% đối với các chỉ số VN30, VNMidcap, VNSmallcap, VN100, VNAllshare và không giới hạn đối với chỉ số ngành.
- 7.3. Quy trình tính toán giới hạn tỷ trọng vốn hóa sử dụng giá đóng cửa (hoặc giá đóng cửa điều chỉnh nếu cổ phiếu có sự kiện doanh nghiệp) của phiên giao dịch cuối cùng trước thứ hai lần thứ ba của tháng Một và tháng Bảy, dựa trên danh mục cổ phiếu thành phần, khối lượng lưu hành, tỷ lệ free-float của rổ chỉ số kỳ mới.
- 7.4. Nếu việc điều chỉnh làm cho tỷ trọng vốn hóa của một cổ phiếu nào khác trong rổ chỉ số tăng lên và vượt quá ngưỡng 10% thì quy trình tính toán sẽ tiếp tục được thực hiện cho đến khi tất cả cổ phiếu trong rổ đều có tỷ trọng vốn hóa không vượt quá 10%.
- 7.5. Công thức tính giới hạn tỷ trọng vốn hóa :

$$c_i = \frac{Z}{I * (p_i * s_i * f_i)} \sum_{j=1}^J (p_j * s_j * f_j)$$

Trong đó :

- i : Cổ phiếu bị giới hạn tỷ trọng vốn hóa
  - j : cổ phiếu không bị giới hạn tỷ trọng vốn hóa
  - J : tập hợp các cổ phiếu không bị giới hạn tỷ trọng vốn hóa
  - p : giá đóng cửa của cổ phiếu
  - s : khối lượng cổ phiếu đang lưu hành
  - f : tỷ lệ free-float của cổ phiếu
  - I : tổng tỷ trọng vốn hoá của các cổ phiếu không bị giới hạn tỷ trọng
  - Z : ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa (10%)
  - $c_i$  : hệ số giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu (%), nhằm đảm bảo tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu không vượt quá ngưỡng giới hạn xác định.
- 7.6. Thay đổi giới hạn tỷ trọng vốn hoá
    - 6.1.1. Việc xem xét và điều chỉnh giới hạn tỷ trọng vốn hoá sẽ được thực hiện định kì 06 tháng/ lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số hoặc được tính lại khi có thay đổi về cổ phiếu thành phần của rổ chỉ số trong kỳ. Khi điều chỉnh giới hạn tỷ trọng vốn hóa, Hệ số chia

cũng sẽ được điều chỉnh để đảm bảo tính liên tục của chỉ số (Tham khảo mục 8 - Điều chỉnh hệ số chia)

- 6.1.2. Trường hợp có thay đổi cổ phiếu thành phần của rổ chỉ số kết hợp với thay đổi tỷ lệ free-float và sự kiện doanh nghiệp, giới hạn tỷ trọng vốn hoá sẽ được tính toán lại ở bước cuối cùng sau khi đã cập nhật xong sự kiện doanh nghiệp và tỷ lệ free-float.



## 8. CÁC ĐIỀU CHỈNH ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CỦA CHỈ SỐ

STT	Nội dung điều chỉnh	Thời gian điều chỉnh	
		Định kỳ (6 tháng / lần)	Điều chỉnh trong kỳ
8.1	<b>Loại bỏ và thay thế cổ phiếu</b>	Cổ phiếu trong rổ bị loại bỏ/ thay thế khi không đáp ứng các điều kiện quy định ở mục 3 và 4 của Quy tắc chỉ số tại kỳ xem xét.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổ phiếu bị rơi vào diện bị kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, bị tạm ngừng giao dịch (<i>ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập</i>), bị hủy niêm yết sẽ bị loại bỏ khỏi danh mục cổ phiếu thành phần của chỉ số vào ngày hiệu lực.</li> <li>- Cổ phiếu bị loại bỏ thuộc chỉ số VN30/ VNMidcap sẽ được thay thế bởi cổ phiếu có thứ tự xếp hạng cao nhất trong danh sách cổ phiếu dự phòng của VN30/ VNMidcap.</li> <li>- Cổ phiếu bị loại bỏ thuộc chỉ số VNSmallcap không được thay thế.</li> <li>- Chỗ khuyết trong rổ VNMidcap do sử dụng cổ phiếu dự phòng của VN30 sẽ tiếp tục được thay thế bởi cổ phiếu dự phòng của VNMidcap.</li> <li>- Các thay đổi đối với VN30, VNMidcap, VNSmallcap sẽ tự động tác động đến VN100, VNAllshare và chỉ số ngành.</li> <li>- Cổ phiếu bị loại bỏ khỏi VN30, VNMidcap hoặc VNSmallcap sẽ đương nhiên bị loại bỏ khỏi Bộ chỉ số HOSE-Index cho đến kỳ xem xét kế tiếp nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại mục 3.</li> </ul>
8.2	<b>Sáp nhập và mua lại</b>	* <i>Sáp nhập giữa các công ty là thành phần của chỉ số</i>	
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty mới hình thành vẫn là cổ phiếu thành phần của chỉ số, sẽ được điều chỉnh một số thông tin liên quan (khối lượng lưu hành, free-float, capping). Công ty bị sáp nhập sẽ bị hủy niêm yết.</li> <li>- Đối với VN30, VNMidcap :</li> </ul>

		<p>chỗ khuyết trong chỉ số sẽ được thay thế ngay bởi cổ phiếu có thứ tự xếp hạng cao nhất trong danh sách cổ phiếu dự phòng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với VNSmallcap : chỗ khuyết trong chỉ số không được thay thế</li> <li>- Các thay đổi đối với VN30, VNMidcap, VNSmallcap sẽ tự động tác động đến VN100, VNAllshare và các chỉ số ngành.</li> </ul>
		<p><i>* Công ty thuộc chỉ số bị mua lại bởi công ty khác không thuộc chỉ số :</i></p>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty gốc ban đầu trong chỉ số sẽ bị loại bỏ khỏi chỉ số.</li> <li>- Công ty mới được hình thành sẽ tham gia vào chỉ số nếu đáp ứng các tiêu chí chọn vào rõ (tại mục 3). Nếu không đáp ứng, chỗ khuyết trong rõ chỉ số sẽ được thay thế bởi cổ phiếu có thứ tự xếp hạng cao nhất trong danh sách cổ phiếu dự phòng, (ngoại trừ VNSmallcap)</li> </ul>
8.3	<p><b>Chia tách công ty</b>          Công ty bị chia tách để hình thành hai hay nhiều công ty mới (công ty mới tiếp tục đáp ứng điều kiện niêm yết trên HOSE)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty hình thành sau khi chia tách được tham gia vào các chỉ số trong Bộ chỉ số HOSE-Index khi có GTVH (riêng đối với VN30 xét thêm giá trị về thanh khoản) lớn hơn so với giá trị của cổ phiếu có thứ hạng thấp nhất trong rõ chỉ số.</li> </ul> <p><u>Ví dụ</u> : Cổ phiếu thành phần của VN30 bị chia tách thành hai công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu 2 công ty mới hình thành đều đủ điều kiện tham gia vào rõ VN30 thì cổ phiếu có thứ hạng nhỏ nhất trong rõ VN30 sẽ trở thành cổ phiếu thành phần của VNMidcap và cổ phiếu có thứ hạng nhỏ nhất của VNMidcap sẽ trở thành cổ phiếu thành phần của VNSmallcap.</li> <li>- Công ty mới hình thành không đủ điều kiện tham gia vào rõ VN30 sẽ được xem xét để đưa vào rõ VNMidcap. Nếu không đủ điều kiện tham gia vào</li> </ul>

			<p>VNMidcap, cổ phiếu sẽ tiếp tục được xem xét để đưa vào rổ VNSmallcap.</p> <p>- Trường hợp các công ty mới hình thành đều không đáp ứng điều kiện được duy trì trong rổ thì chỗ khuyết trong rổ sẽ được thay thế bởi cổ phiếu có thứ tự xếp hạng cao nhất trong danh sách cổ phiếu dự phòng.</p>
--	--	--	--

STT	Số kiện	Thời điểm tính điểm
1	1	
2	2	
3	3	
4	4	
5	5	

## 9. ĐIỀU CHỈNH HỆ SỐ CHIA

Trong trường hợp có sự tăng hoặc giảm giá trị vốn hóa thị trường mà nguyên nhân không phải do sự biến động giá thị trường mà là do các sự kiện doanh nghiệp hoặc các thay đổi về số lượng cổ phiếu thành phần, số chia cần phải được điều chỉnh để đảm bảo tính liên tục của chỉ số. Nguyên tắc điều chỉnh số chia là làm cho chỉ số trước và sau khi có biến động là bằng nhau.

**Chỉ số sau điều chỉnh = Chỉ số trước điều chỉnh**

$$\frac{CMV_n}{\text{Hệ số chia}_n} = \frac{CMV_0}{\text{Hệ số chia}_0}$$

$$\text{Hệ số chia}_n = \frac{CMV_n}{CMV_0} \times \text{Hệ số chia}_0$$

Trong đó :

- Hệ số chia<sub>0</sub> = Giá trị vốn hóa cơ sở trước khi điều chỉnh
- CMV<sub>0</sub> = Giá trị vốn hóa hiện hành trước khi điều chỉnh
- Hệ số chia<sub>n</sub> = Giá trị vốn hóa cơ sở sau khi điều chỉnh
- CMV<sub>n</sub> = Giá trị vốn hóa hiện hành sau điều chỉnh.

Dưới đây là bảng tóm tắt các sự kiện cần phải điều chỉnh số chia :

STT	Sự kiện	Thời điểm điều chỉnh Hệ số chia
<b>1</b>	<b>CHIA CỔ TỨC BẰNG TIỀN MẶT</b>	
1.1	<b>Cổ tức bằng tiền mặt thông thường:</b> (Giá trị cổ tức bằng tiền mặt < 10% giá đóng cửa của ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền).	Không điều chỉnh hệ số chia
1.2	<b>Cổ tức bằng tiền mặt đặc biệt:</b> (Giá trị cổ tức bằng tiền mặt ≥ 10% giá đóng cửa của ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền).	Điều chỉnh cuối ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền (T-1)
<b>2</b>	<b>TĂNG VỐN</b>	
2.1	Phát hành quyền cho cổ đông hiện hữu với giá quyền ≠ 0 với điều kiện giá phát hành nhỏ hơn giá đóng cửa.	Điều chỉnh cuối ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền (T-1)
2.2	Phát hành quyền cho cổ đông hiện hữu với giá quyền = 0: - Phát hành cổ phiếu thưởng - Trả cổ tức bằng cổ phiếu	Không điều chỉnh hệ số chia

<b>3</b>	<b>TĂNG / GIẢM VỐN KHÁC</b>	
3.1	- Phát hành riêng lẻ (PP) cho đối tác chiến lược / nhân viên công ty; - Phát hành ra công chúng (PO)	Điều chỉnh cuối ngày trước ngày niêm yết cổ phiếu mới (T-1)
3.2	Tăng vốn do sáp nhập/mua lại;	Điều chỉnh cuối ngày trước ngày niêm yết mới (T-1)
3.3	- Chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi; - Chuyển đổi trái phiếu;	Điều chỉnh cuối ngày trước ngày niêm yết cổ phiếu mới (T-1)
3.4	Cty bán cổ phiếu quỹ.	Sau khi nhận báo cáo kết quả mua bán của công ty
<b>4</b>	<b>GIẢM VỐN</b>	
4.1	Giảm vốn do điều chỉnh khối lượng cổ phiếu niêm yết sau khi tổ chức niêm yết hoàn tất đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu;	Cuối ngày trước ngày giao dịch đầu tiên khi giảm vốn
4.2	Công ty mua cổ phiếu quỹ	Sau khi nhận báo cáo kết quả mua bán của công ty
<b>5</b>	<b>TÁCH/ GỘP MỆNH GIÁ CỔ PHIẾU</b>	Không điều chỉnh hệ số chia
<b>6</b>	<b>THAY ĐỔI TỶ LỆ FREE-FLOAT, TỶ LỆ GIỚI HẠN VỐN HÓA, KHỐI LƯỢNG LƯU HÀNH</b>	Điều chỉnh hệ số chia sau khi có thay đổi
<b>7</b>	<b>LOẠI BỎ/ THAY THẾ CỔ PHIẾU KHỎI RỎ CHỈ SỐ TRONG KỲ</b>	Điều chỉnh hệ số chia cuối ngày trước ngày áp dụng chính thức loại bỏ/ thay thế cổ phiếu.
<b>8</b>	<b>XEM XÉT ĐỊNH KỲ RỎ CHỈ SỐ</b>	Cuối ngày trước ngày rỏ mới có hiệu lực

Lưu ý:

- Các sự kiện khác có thể phát sinh trong tương lai sẽ được điều chỉnh theo thực tiễn.

## 10. CHUẨN PHÂN NGÀNH GICS®

- 9.1. GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI xây dựng. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.
- 9.2. Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE sẽ được MSCI và S&P thực hiện phân ngành theo chuẩn phân ngành GICS® và thông tin phân ngành các công ty niêm yết được cập nhật tại trang chủ của HOSE : [www.hsx.vn](http://www.hsx.vn).
- 9.3. Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần của chỉ số ngành sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số.

## 11. CHÍNH SÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Các thay đổi về chỉ số bao gồm thành phần của chỉ số hay các quy tắc chỉ số sẽ được công bố trên website của HOSE (www.hsx.vn). Thời điểm công bố các thay đổi được áp dụng như sau :

STT	Nội dung công bố	Thời gian công bố
<b>A</b>	<b>Thay đổi tại kỳ xem xét</b>	
1	Thay đổi tại kỳ xem xét chỉ số (về danh mục cổ phiếu thành phần của chỉ số, tỷ lệ free-float, khối lượng lưu hành, giới hạn tỷ trọng vốn hóa)	<b>Ít nhất 05 ngày làm việc</b> trước ngày áp dụng chính thức vào ngày giao dịch <b>ngày thứ hai lần thứ tư của tháng Một và tháng Bảy.</b>
<b>B</b>	<b>Thay đổi trong kỳ</b>	
1	Loại bỏ / thay thế cổ phiếu trong rổ (cổ phiếu bị loại bỏ/ thay thế, khối lượng lưu hành, giới hạn tỷ trọng vốn hóa)	<b>Ít nhất 05 ngày làm việc</b> trước ngày áp dụng chính thức vào rổ chỉ số.
2	Các trường hợp thay đổi giới hạn tỷ trọng vốn hóa khác (không thuộc mục B.1 bảng này)	<b>Ít nhất 05 ngày làm việc</b> trước ngày áp dụng chính thức vào rổ chỉ số
3	Thay đổi khối lượng đang lưu hành và tỷ lệ free-float từ 5% trở lên tại mục 3.3.5 và 5.4.3 của quy tắc này.	<b>Ít nhất 01 ngày làm việc</b> trước ngày áp dụng chính thức vào rổ chỉ số
4	Sự kiện doanh nghiệp	Phương pháp xử lý các sự kiện doanh nghiệp được công bố theo quy định hiện hành của HOSE.
5	Chính sách quản lý chỉ số	<b>Ít nhất 02 tháng</b> trước ngày chính thức hiệu lực. Tuy nhiên, thời gian trên có thể linh động nếu các thay đổi không mâu thuẫn với quyền lợi của các bên liên quan.
<b>C</b>	<b>Các công bố khác</b> Các thông báo đề cập tại mục 2.7 và 2.8 hoặc các công bố khác.	Công bố trong thời gian sớm nhất.

## 12. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Để biết thêm thông tin hoặc các phản hồi về Bộ Chỉ số xin truy cập trang chủ [www.hsx.vn](http://www.hsx.vn) hoặc :

- Phòng Nghiên cứu và phát triển – SGDCK TPHCM về phương pháp xây dựng và tính toán chỉ số.
- Phòng Thông tin thị trường – SGDCK TPHCM về dịch vụ cung cấp thông tin




### 13. PHỤ LỤC

13.1. Bình quân của trung vị giá trị giao dịch hàng ngày trong tháng của 12 tháng:

- a. **Trung vị giá trị giao dịch hàng ngày trong tháng** được xác định bằng cách sắp xếp theo thứ tự giảm dần giá trị giao dịch hàng ngày trong tháng, chọn giá trị ở giữa làm trung vị (trong trường hợp có 2 ngày ở giữa thì sẽ lấy giá trị bình quân của 2 ngày này)

**Ví dụ 1:** Cổ phiếu A đã niêm yết đủ 12 tháng. GTGD hàng ngày của cổ phiếu A

Ngày GD trong tháng 1	GTGD	Ngày GD trong tháng 2	GTGD	....	Ngày GD trong tháng 12	GTGD
1	5000	1	6520	....	1	7800
2	4500	2	6500	....	2	7750
3	4250	3	5500	...	3	7500
4	4000	4	4000	...	4	6200
5	3750			....	5	6110
<b>Trung vị 1</b>	<b>4250</b>	<b>Trung vị 2</b>	$= (6500+5500)/2 = 6000$		<b>Trung vị 12</b>	<b>7500</b>

- b. **Tính bình quân của trung vị trong tháng của 12 tháng:**

$$\text{Bình quân} = (\text{Trung vị 1} + \text{Trung vị 2} + \dots + \text{Trung vị 12})/12$$

- Đối với cổ phiếu có thời gian niêm yết dưới 12 tháng, GTGD được tính là bình quân của trung vị giá trị giao dịch hàng ngày trong tháng từ thời điểm niêm yết tới ngày chốt dữ liệu xem xét.

**Ví dụ 2:** Cổ phiếu B đã niêm yết từ tháng 5. Chốt dữ liệu xem xét vào tháng 12.

GTGD hàng ngày của cổ phiếu B

Ngày GD trong tháng 5	GTGD	Ngày GD trong tháng 6	GTGD	....	Ngày GD trong tháng 12	GTGD
1	5000	1	6520	....	1	7800
2	4500	2	6500	....	2	7750
3	4250	3	5500	...	3	7500
4	4000	4	4000	...	4	6200
5	3750			....	5	6110
<b>Trung vị 5</b>	<b>4250</b>	<b>Trung vị 6</b>	$= (6500+5500)/2 = 6000$		<b>Trung vị 12</b>	<b>7500</b>

**Bình quân của trung vị trong tháng của của cổ phiếu B:**

$$\text{Bình quân} = (\text{Trung vị 5} + \text{Trung vị 6} + \dots + \text{Trung vị 12})/7$$

13.2. Trung vị của top 90% GTVH\_f

a. Tích lũy top 90% GTVH\_f

- Sắp xếp các cổ phiếu trong tập hợp theo thứ tự giảm dần về GTVH\_f và xác định tập hợp cổ phiếu có GTVH\_f tích lũy 90%.

- Tích lũy của cổ phiếu đứng thứ n =  $\frac{\sum_{i=1}^n GTVH\_f_{cổ\ phiếu\ i}}{Tổng\ GTVH\_f\ của\ tập\ hợp\ rổ\ cổ\ phiếu}$

Ví dụ:

STT	Cổ phiếu	GTVH ff	Tích lũy GTVH f	Tỷ trọng tích lũy
1	AAA	205,000	205,000	14%
2	BBB	200,000	405,000	27%
3	CCC	195,000	600,000	40%
4	DDD	192,000	792,000	53%
5	EEE	190,000	982,000	66%
6	FFF	150,000	1,132,000	76%
7	GGG	130,000	1,262,000	84%
8	HHH	87,000	1,349,000	90%
9	KKK	75,000	1,424,000	95%
10	LLL	72,000	1,496,000	100%
Tổng cộng		1,496,000		

Tập hợp CP có GTVH\_f tích lũy đạt 90%

b. Xác định giá trị trung vị của tập hợp cổ phiếu: tương tự mục 13.1

Ví dụ: Trung vị của tập hợp CP có GTVH\_f tích lũy đạt 90% là : = (192,000+190,000)/2 = 191,000